

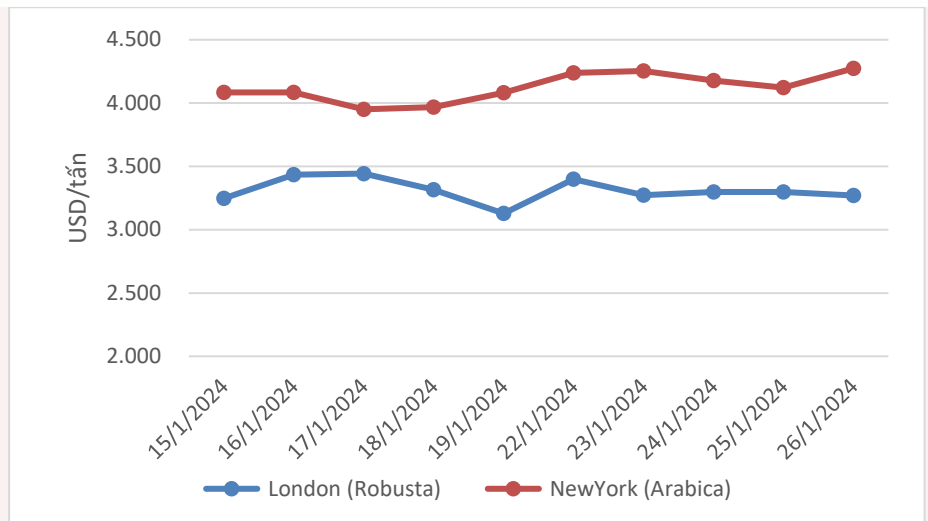


BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta tại thị trường London kỳ hạn tháng 3/2024 đạt mức bình quân 3.308 USD/tấn, giảm 0,19% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica tại thị trường New York kỳ hạn tháng 3/2024 đạt mức bình quân 4.213 USD/tấn, tăng 4,44% so với tuần trước.
- ❖ Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), Diễn đàn Cà phê Toàn cầu (GCP) và Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Liên bang Đức (BMZ) đã ký một tuyên bố chung nhằm tăng cường hợp tác hướng tới sự chuyển đổi bền vững của ngành cà phê toàn cầu.
- ❖ Theo cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat), trong 11 tháng năm 2023, khối lượng cà phê nhập khẩu của Hà Lan từ thị trường ngoài khối EU đạt 153,73 nghìn tấn, trị giá 623,51 triệu EUR (tương đương 676,94 triệu USD)

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Tuần 04 (từ 22-26/01/2024), giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 03/2024 tại thị trường London đạt 3.308 USD/tấn, giảm 0,19% so với tuần trước nhưng tăng 68,4% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.400 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.269 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2024 bình quân đạt 4.213 USD/tấn, tăng 4,44% so với mức giá tuần trước, và tăng 24,5% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.274 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.122 USD/tấn. [1]

Giá cà phê Robusta giảm do khách hàng hạn chế mua mặt hàng này từ khu vực Đông Nam Á. Nguyên nhân là do căng thẳng tại khu vực Biển Đỏ và Trung Đông leo thang đã đẩy chi phí vận chuyển và thời gian giao hàng từ khu vực này tăng mạnh. [2]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

ICO, GCP và BMZ ký tuyên bố chung về chuyển đổi bền vững ngành cà phê.

Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), Diễn đàn Cà phê Toàn cầu (GCP) và Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Liên bang Đức (BMZ) đã ký một tuyên bố chung nhằm tăng cường hợp tác hướng tới sự chuyển đổi bền vững của ngành cà phê toàn cầu. Tuyên bố này nhằm giải quyết các vấn đề quan trọng như: (1) thu nhập tối thiểu để đáp ứng các nhu cầu cơ bản; (2) minh bạch thị trường; (3) bình đẳng giới; (4) các chính sách và thể chế được áp dụng; ...[4]

Tình hình nhập khẩu cà phê của Hà Lan.

Theo cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat), trong 11 tháng năm 2023, khối lượng cà phê nhập khẩu của Hà Lan từ thị trường ngoài khối EU đạt 153,73 nghìn tấn, trị giá 623,51 triệu EUR (tương đương 676,94 triệu USD), tăng 47,8% về lượng và tăng 25,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Giá nhập khẩu bình quân đạt 4.056 EUR/tấn, giảm 15,4% so với cùng kỳ năm 2022. [3]

Brazil và Việt Nam là hai nguồn cung cà phê lớn nhất của Hà Lan. Sản lượng cà phê nhập khẩu từ Brazil đạt 54,88 nghìn tấn, trị giá 205,76 triệu EUR (tương đương 223,4 triệu USD), tăng 20,3% về lượng và tăng 4,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Sản lượng nhập khẩu từ Việt Nam đạt 37,55 nghìn tấn, trị giá 93,98 triệu EUR (tương đương 102 triệu USD), tăng 175,6% về lượng và tăng 182,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. [3]

Timor-Leste

Cà phê là cây trồng quan trọng của Timor-Leste, chiếm 90% giá trị xuất khẩu hàng hóa phi dầu mỏ và là nguồn thu nhập chính cho 37% dân số của quốc gia này. Thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Timor-Leste là Châu Âu chiếm 33,5% tổng giá trị xuất khẩu.[5]

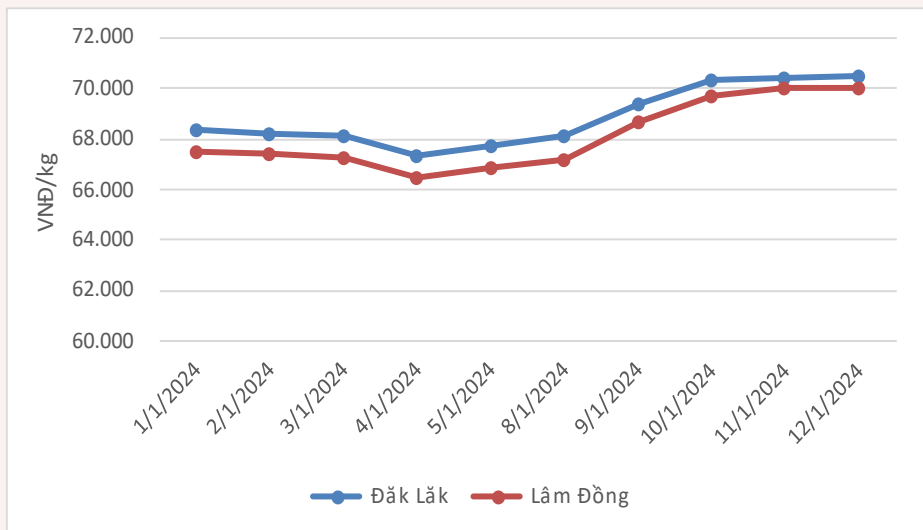
Quy định chống phá rừng của liên minh châu Âu (EUDR) đã gây ra các khó khăn cho các hộ sản xuất cà phê quy mô nhỏ và các nhà xuất khẩu ở Timor-Leste trong việc truy suất và quản lý dữ liệu. Ngoài ra, EUDR còn có thể tạo ra tác động tiêu cực như giảm thu nhập và mất an ninh lương thực cho các hộ sản xuất nhỏ.[6]

Ethiopia: Chính phủ Ethiopia và Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) đã xây dựng chương trình hợp tác dài hạn để chống lại nạn phá rừng và phát triển bền vững ngành cà phê. Mục đích của dự án là ngăn chặn nạn phá rừng, thúc đẩy trồng rừng và cung cấp hỗ trợ thị trường cho các nhà sản xuất cà phê Ethiopia. Ngân sách cho dự án này là 20,8 triệu USD, thời gian thực hiện từ 2023-2031.[7]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng trong tuần này. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 74.127 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 73.440 VNĐ/kg.
- ❖ Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hà Lan đạt 44,34 nghìn tấn, trị giá 121,3 triệu USD, tăng 46,2% về lượng và tăng 75,9% về giá trị so với năm 2022.
- ❖ Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu cà phê của các doanh nghiệp FDI đạt 1,7 tỷ USD, tăng 17,3% so với năm 2022, chiếm 40% tổng giá trị xuất khẩu của cà phê Việt Nam

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tiếp tục tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 74.127 VNĐ/kg, tăng 3,65% so với tuần trước (tăng 2.613 VNĐ/kg), và tăng 79,25% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 73.440 VNĐ/kg, tăng 3,49% so với tuần trước (tăng 2.480 VNĐ/kg), và tăng 79,91% so với cùng kỳ năm trước. [8]

Theo Hiệp hội Cà phê Ca cao giá cà phê tăng mạnh do lo ngại cung thiếu hụt từ châu Á khi tuyến vận chuyển qua kênh đào Suez bị tắc nghẽn vì căng thẳng tại Biển Đỏ. [9]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Tình hình xuất khẩu cà phê sang Hà Lan.

Tổng cục Hải quan, năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hà Lan đạt 44,34 nghìn tấn, trị giá 121,3 triệu USD, tăng 46,2% về lượng và tăng 75,9% về giá trị so với năm 2022. Tính riêng tháng 12/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hà Lan đạt 9,42 nghìn tấn, trị giá trên 28 triệu USD, tăng 329,5% về lượng và tăng 308,7% về giá trị so với tháng 11/2023, so với tháng 12/2022 tăng 120,1% về lượng và tăng 153,2% về giá trị.[10]

Tháng 12/2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam sang Hà Lan đạt mức 2.977 USD/tấn, giảm 4,8% so với tháng 11/2023, nhưng so với tháng 12/2022 tăng 15,1%. Tính chung cả năm 2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam sang Hà Lan đạt mức 2.736 USD/tấn, tăng 20,3% so với giá bình quân năm 2022. [10]

Năm 2023, Việt Nam tăng xuất khẩu tất cả các chủng loại cà phê sang Hà Lan, gồm: cà phê Robusta, Arabica và cà phê chế biến, tỷ trọng chiếm lần lượt 77,42%; 12,9% và 9,68%. [10]

Tình hình xuất khẩu cà phê của các doanh nghiệp FDI và dự báo xuất khẩu cà phê Việt Nam năm 2024.

Theo Tổng cục Hải quan, năm 2023, kim ngạch xuất khẩu cà phê của các doanh nghiệp FDI đạt 1,7 tỷ USD, tăng 17,3% so với năm 2022, chiếm 40% tổng giá trị xuất khẩu của cà phê Việt Nam.

Theo các chuyên gia dự báo, xuất khẩu cà phê của nước ta có thể sẽ tiếp tục thiết lập kỷ lục mới trong năm 2024, khi cà phê còn nhiều dư địa để duy trì mức giá cao. Giá Robusta trên thị trường thế giới được dự báo sẽ không giảm cho đến khoảng hết nửa đầu năm 2024 do lo ngại về tình trạng thiếu hụt nguồn cung và căng thẳng trên Biển Đỏ.[11]

Đắk Nông

Cà phê là một trong 4 cây trồng chủ lực của tỉnh Đắk Nông. Tính đến tháng 1/2024, diện tích sản xuất cà phê của tỉnh đạt 140 nghìn ha. Đắk Nông đã xuất khẩu cà phê đến 10 quốc gia với khối lượng khoảng 110 nghìn tấn/năm. Cũng như nhiều tỉnh sản xuất cà phê tại Việt Nam, ngành cà phê của tỉnh Đắk Nông cũng đang đối diện với các thách thức khi thực hiện Quy định chống phá rừng

của liên minh châu Âu (EUDR) là: (1) sử dụng hệ thống giám sát viễn thám để cập nhật dữ liệu chung về nguồn gốc đất nhằm hạn chế mất rừng và suy thoái rừng; (2) truy xuất nguồn gốc đến tận vườn của hộ. [12]

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. Stockbiz.vn
3. [Báo Công thương](#)
4. gcrmag.com
5. [Daily Coffee News](#)
6. [Daily Coffee News](#)
7. [Daily Coffee News](#)
8. [Công tác viên Cà phê khu vực Tây Nguyên](#)
9. [Báo điện tử Vnexpress](#)
10. [Báo Công thương](#)
11. [Báo Công thương](#)
12. [Báo Đắk Nông](#)

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	71.800	73.600	73.000	73.900	74.900	73.440	2.480
Di Linh	71.800	73.600	73.000	73.900	74.900	73.440	2.480
Lâm Hà	71.800	73.600	73.000	73.900	74.900	73.440	2.480
Bảo Lộc	71.800	73.600	73.000	73.900	74.900	73.440	2.480
ĐẮK LẮK	72.433	74.433	73.833	74.433	75.500	74.127	2.613
Cư M'gar	72.500	74.500	73.900	74.500	75.500	74.180	2.600
Ea H'leo	72.400	74.400	73.800	74.400	75.500	74.100	2.620
Buôn Hồ	72.400	74.400	73.800	74.400	75.500	74.100	2.620
ĐẮK NÔNG	72.350	74.350	73.750	74.550	75.550	74.110	2.520
Gia Nghĩa	72.400	74.400	73.800	74.600	75.600	74.160	2.520
Đắk R'lấp	72.300	74.300	73.700	74.500	75.500	74.060	2.520
GIA LAI	72.233	74.033	73.433	74.333	75.333	73.873	2.400
Chư Prông	72.300	74.100	73.500	74.400	75.400	73.940	2.400
Pleiku	72.200	74.000	73.400	74.300	75.300	73.840	2.400
La Grai	72.200	74.000	73.400	74.300	75.300	73.840	2.400
KON TUM	72.300	74.100	73.500	74.400	75.400	73.940	2.480
Đắk Hà	72.300	74.100	73.500	74.400	75.400	75.400	3.940

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn